

HƯỚNG DẪN RA ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

GV có thể dựa vào nội dung chương trình *Tiếng Việt 1*, chương trình 2018 để biên soạn đề kiểm tra đánh giá năng lực nói và nghe, đọc viết giai đoạn cuối học kì I. Như đã nêu trên, các bài kiểm tra trong SHS, trang 182 – 185, GV dùng để tham khảo và hướng dẫn HS làm bài. Dựa vào bài mẫu trên, GV tìm kiếm ngữ liệu, biên soạn câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan hoặc trả lời ngắn,... Các thông tư về đánh giá học sinh tiểu học theo chương trình mới cũng là một căn cứ quan trọng khi biên soạn đề. (Lưu ý khi biên soạn đề kiểm tra cuối kì I, cần rà soát để tránh tình trạng có từ ngữ chứa vần HS chưa học).

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (SHS, tr. 183 – 185)

(Đề trong SHS chỉ là một hướng dẫn, một minh hoạ để GV tham khảo. Tất cả các từ ngữ xuất hiện trong các nội dung kiểm tra đều chứa âm, vần đã học, không có từ ngữ chứa vần chưa học. GV thay ngữ liệu khác khi ra đề chính thức.)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Củng cố kĩ năng nghe, đọc lưu loát, đọc hiểu, viết các âm, vần đã học trong học kì I.
2. Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
3. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ; rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, SGK. Giấy ô li cho HS làm bài.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tuỳ theo các nội dung nghe – hiểu, đọc – hiểu, đọc lưu loát, chính tả để GV tổ chức cho HS thực hiện các nội dung kiểm tra cuối kì.

1. Kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng

- Mục tiêu: Kiểm tra việc HS đọc trôi chảy (mức độ rõ, đúng, tốc độ đọc, âm lượng)
- Trọng số điểm: 4/10.
- Biện pháp:
 - + GV cần dùng nhiều đoạn văn khác nhau cho một đợt kiểm tra, VD: hai đoạn văn cho đợt kiểm tra 5 – 6 HS.
 - + Các đoạn văn dùng kiểm tra đọc thành tiếng cần tương đương về độ dài và độ khó của việc đọc thành tiếng (cấu tạo âm tiết, số từ phức); số lượng chữ khoảng 40 chữ.

- + HS vào phòng kiểm tra theo nhóm/ đợt, mỗi đợt khoảng 5 – 6 HS.
- + HS lần lượt đọc từng đoạn văn theo bốc thăm.
- + GV lắng nghe, quan sát, ghi nhận kĩ năng đọc thành tiếng của HS: mức độ đúng, rõ, tốc độ, âm lượng; lỗi về cấu âm, VD: *th, kh* đọc thành *h, x* hoặc mất *th, kh*; hoặc lỗi do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: lẫn lộn *l – n*, đọc *r* thành *g*, *tr* thành *t*.¹

2. Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu

- Mục tiêu: Kiểm tra việc HS đọc hiểu.
- Trọng số điểm: 2/10.
- Biện pháp:
 - + HS tự đọc văn bản và viết câu trả lời vào bài kiểm tra.
 - + Có thể ra khoảng ba câu trắc nghiệm lựa chọn đúng sai ở mức độ nhận biết và thông hiểu; một câu hỏi yêu cầu trả lời ngắn có thể ở mức độ vận dụng cơ bản hoặc mức thông hiểu (có giải thích vì sao).

3. Kiểm tra kĩ năng sử dụng từ

- Mục tiêu: Kiểm tra việc sử dụng từ hoàn thành câu theo gợi ý của HS.
- Trọng số điểm: 1/10.
- Nội dung: hoàn thành hai câu có cụm từ cho trước, có liên quan với nội dung của truyện vừa đọc.

4. Kiểm tra kĩ năng viết đúng chính tả

4.1. Kiểm tra kĩ năng viết chữ đúng chính tả

- Mục tiêu: Kiểm tra việc viết đúng chữ, đúng chính tả của HS.
- Trọng số điểm: 1/10 (có thể cho 0,75 điểm cho chính tả có quy tắc và 0,25 điểm cho nội dung chính tả phương ngữ).
- Nội dung và hình thức: điền vào chỗ trống các trường hợp có quy tắc (*c/k, g/gh, ng/ngh*) và các trường hợp chính tả phương ngữ (GV tự thiết kế dựa vào thực tế phương ngữ của HS.).

4.2. Kiểm tra kĩ năng nhìn – viết chính tả

- Mục tiêu: Kiểm tra kĩ năng nhìn – viết đúng chữ, đúng chính tả của HS.
- Trọng số điểm: 2/10.

¹ Lưu ý, không phải mọi biến thể ngữ âm phương ngữ đều quy vào lỗi. Chỉ xem là lỗi với những biến thể mà người nói “mặc cảm” khi nói ra và nhiều người xem là “ngọng” trong giao tiếp mang tính chính thức xã hội (giao tiếp ngoài phạm vi gia đình, ngoài cuộc sống thường nhật), như các trường hợp vừa dẫn, hoặc *o* → *oo*, *ô* → *ôô*, *o* → *ô*, *ơ* → *e*,...

– Độ dài câu, dòng thơ nhìn – viết chính tả khoảng 8 – 10 chữ.

– Độ khó của câu, dòng thơ dùng cho kiểm tra nhìn – viết chính tả: chọn hoặc viết câu, dòng thơ có nội dung quen thuộc, gần gũi, dễ hiểu. Trong câu, dòng thơ dùng cho nhìn – viết nên có một số từ có chứa hiện tượng chính tả có quy tắc và chính tả phương ngữ.

– Nội dung và hình thức:

+ GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, đặt tờ giấy làm bài đúng chiều hướng, đúng khoảng cách, cầm bút đúng.

+ HS nhìn – viết chính tả: GV đọc từng câu, nếu câu dài cần đọc từng cụm; mỗi cụm đọc 2 – 3 lần; đọc rõ, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS, theo quy định; GV đọc lại toàn văn bản viết chính tả, yêu cầu HS lắng nghe và rà soát lỗi.

